

Số: 210 /BC-UBND

Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 7 năm 2018

## BÁO CÁO

### Tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính Quý II năm 2018 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Thực hiện Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh báo cáo Văn phòng Chính phủ, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng Chính phủ về tình hình, kết quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) trong Quý II năm 2018 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh những nội dung sau:

### I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

#### 1. Đánh giá tác động quy định TTHC

Trong Quý II năm 2018, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh thực hiện nghiêm túc việc kiểm soát quy định TTHC trong các dự thảo ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 08/7/2017 của Chính phủ và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC. Trong Quý II năm 2018, UBND tỉnh Hà Tĩnh không ban hành Văn bản QPPL có quy định TTHC.

#### 2. Về công bố, công khai, nhập dữ liệu TTHC vào CSDLQG

##### a) Về công bố TTHC:

Trong Quý II năm 2018, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành 14 Quyết định công bố, trong đó có 13 Quyết định công bố danh mục gồm 730 TTHC, 01 Quyết định công bố sửa đổi, bổ sung 02 TTHC (*chi tiết tại Biểu 3b kèm theo*).

##### b) Về công khai và đăng nhập TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia:

Tất cả các TTHC sau khi được công bố đều chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện niêm yết, công khai kịp thời, đầy đủ, đúng quy định tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã; đồng thời đăng tải trên trang, công thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương và trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của UBND tỉnh;

Thực hiện Văn bản số 4769/VPCP-KSTT ngày 22/5/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc đề nghị các bộ ngành, địa phương hoàn thành rà soát, chuẩn hóa, xóa bỏ dữ liệu thủ tục hành chính dư thừa, trùng lặp trên CSDL quốc gia về TTHC; UBND tỉnh Hà Tĩnh đã thực hiện nhập, đăng tải, công khai, tích hợp các TTHC do Bộ, ngành quy định được công khai trên CSDL quốc gia; đồng thời rà

soát, chuẩn hóa, xóa bỏ dữ liệu TTHC dư thừa, trùng lặp. Kết quả thực hiện đến ngày 15/6/2018 như sau:

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: 1.801 TTHC, trong đó: do bộ, ngành quy định: 1.799 TTHC (cấp tỉnh: 1.359 TTHC; cấp huyện: 305 TTHC; cấp xã: 137 TTHC); do địa phương quy định: 02 TTHC.
- Số lượng TTHC đã được chuẩn hóa: 1.801 TTHC.
- Số lượng TTHC chưa chuẩn hóa: 0 TTHC
- Số lượng TTHC đã có hiệu lực thi hành nhưng chưa được công khai trên CSDLQG: 0 TTHC
- Số lượng TTHC trùng, thừa vẫn được công khai trên CSDLQG: 0 TTHC.

### 3. Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC

Trong Quý II năm 2018, tổng số hồ sơ TTHC được tiếp nhận và giải quyết ở 3 cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là 237.590 hồ sơ, cụ thể: Cấp tỉnh tiếp nhận 19.741 hồ sơ; UBND cấp huyện tiếp nhận 34.548 hồ sơ; UBND cấp xã tiếp nhận 183.301 hồ sơ. Trong đó:

- Số hồ sơ mới tiếp nhận trực tuyến là 1867 hồ sơ (*cấp tỉnh tiếp nhận 109 hồ sơ, cấp huyện tiếp nhận 323 hồ sơ, cấp xã tiếp nhận 1435 hồ sơ*).
- Số hồ sơ kỳ trước chuyển qua là 6689 hồ sơ (*cấp tỉnh tiếp nhận 1018 hồ sơ, cấp huyện tiếp nhận 3289 hồ sơ, cấp xã tiếp nhận 2382 hồ sơ*).
- Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính) là 229.034 hồ sơ (*cấp tỉnh tiếp nhận 18.614 hồ sơ, cấp huyện tiếp nhận 30.936 hồ sơ, cấp xã tiếp nhận 179.484 hồ sơ*).
- Tổng số hồ sơ đã giải quyết là 232.531 hồ sơ (*trả đúng hạn 232.193 hồ sơ, trả quá hạn 338 hồ sơ*).
- Tổng số hồ sơ đang giải quyết là 5059 hồ sơ (*chưa đến hạn là 4879 hồ sơ, quá hạn là 180 hồ sơ*).
- Tổng số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa 237.590 hồ sơ (đúng hạn 232.193 hồ sơ, quá hạn 338 hồ sơ, chưa đến hạn 5059 hồ sơ).

Bên cạnh những kết quả đạt được thì việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC vẫn còn một số tồn tại hạn chế nhất định, đó là tình trạng chậm trễ và quá thời hạn giải quyết TTHC, đặc biệt là ở cấp huyện và cấp xã vẫn còn. Nguyên nhân của việc quá hạn, chậm giải quyết hồ sơ TTHC: Do cán bộ thực hiện thiếu trách nhiệm; do lãnh đạo đi họp dẫn đến phê duyệt chậm; do hồ sơ đang vướng mắc trong diện tích đất; thủ tục hồ sơ còn vướng nên chưa giải quyết dứt điểm được; do thao tác xử lý chậm nên bị quá hạn; do cán bộ thực hiện thiếu trách nhiệm; thời hạn giải quyết quá ngắn... và các nguyên nhân khác quan khác.

(*Chi tiết tại Biểu số 06đ/VPCP/KSTT/KTTH và Biểu số 06g/VPCP/KSTT kèm theo*)

### 4. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC

- Trong kỳ báo cáo, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã tiếp nhận 01 phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính do Văn phòng Chính phủ chuyển đến trên Hệ thống <https://nguoidan.chinhphu.vn>.

- Tình hình, kết quả xử lý: Sau khi tiếp nhận phản ánh kiến nghị, UBND tỉnh đã chuyển Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xử lý theo thẩm quyền. Kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị đã được công khai trên <http://nguoidan.chinhphu.vn> theo quy định.

(Chi tiết tại Biểu số 05b/VPCP/KSTT kèm theo)

## 5. Về công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Theo Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 08/01/2018 của UBND tỉnh về Hoạt động và Truyền thông về kiểm soát TTHC năm 2018 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã chủ động cập nhật kịp thời, thường xuyên, liên tục các văn bản chỉ đạo, thông tin về kiểm soát TTHC và toàn bộ TTHC do UBND tỉnh công bố trên trang <http://congbao.hatinh.gov.vn>, Công dịch vụ công trực tuyến của tỉnh (<http://dichvucung.hatinh.gov.vn>). Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động đưa các văn bản chỉ đạo điều hành về công tác kiểm soát TTHC và toàn bộ TTHC thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý lên trang/công thông tin điện tử của đơn vị và các hình thức tuyên truyền khác nhằm giúp các đối tượng trong và ngoài tỉnh tiếp cận, khai thác, thông tin về TTHC thuận tiện, nhanh chóng.

Đã chỉ đạo Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn thường xuyên tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp tham gia giám sát hoạt động cải cách TTHC của các cơ quan hành chính Nhà nước, qua đó góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ, tính chuyên nghiệp trong quá trình giải quyết công việc có liên quan đến TTHC của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời thực hiện nghiêm túc việc niêm yết, công khai TTHC, nội dung, địa chỉ, số điện thoại tiếp nhận ý kiến phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và hành vi hành chính của cá nhân, tổ chức tại trụ sở cơ quan, đơn vị, địa phương để người dân và doanh nghiệp biết, theo dõi và thực hiện.

Thường xuyên chỉ đạo Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh có các phóng sự, tin bài, bản tin về cải cách hành chính nói chung, kiểm soát TTHC nói riêng trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, báo chí trong việc phản ánh chính xác, kịp thời những mặt tích cực hoặc chưa hiệu quả của cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức trong việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức và thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

## 6. Nội dung khác

### a) Về công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản triển khai nhiệm vụ tại địa phương:

Để triển khai nhiệm vụ kiểm soát TTHC có hiệu quả, trong Quý II năm 2018 UBND tỉnh đã ban hành một số văn bản chỉ đạo, điều hành sau:

- Văn bản số 1555/UBND-KT<sub>1</sub> ngày 28/3/2018 về tham mưu giải pháp nâng cao chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI);
- Văn bản số 1800/UBND-KSTT<sub>1</sub> ngày 09/4/2018 về việc tham mưu giải pháp nâng cao chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI);

- Văn bản số 2142/UBND-KSTT<sub>1</sub> ngày 19/4/2018 về việc góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục DVC trực tuyến mức độ 3 và 4 đăng tải trên Cổng DVC quốc gia trong năm 2018;

- Văn bản số 2622/UBND-KT<sub>1</sub> ngày 11/5/2018 về việc tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh;

- Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh về nâng cao chỉ số Cải cách hành chính, chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh năm 2018 và những năm tiếp theo;

- Các Văn bản góp ý đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư và các Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo của các Bộ, ngành Trung ương.

Trên cơ sở nội dung chỉ đạo tại các văn bản này, Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục có các văn bản hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC.

**b) Về công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ:**

Theo Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 01/08/2018 về Hoạt động và Truyền thông về kiểm soát TTHC năm 2018, dự kiến đầu Quý III năm 2018 tỉnh sẽ tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho cán bộ, công chức đầu mối làm nhiệm vụ kiểm soát TTHC tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

**c) Về công tác kiểm tra việc thực hiện CCHC, kiểm soát TTHC:**

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 về việc thành lập Đoàn kiểm tra CCHC và Hội đồng thẩm định xác định Chỉ số CCHC năm 2018 tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Theo đó, Đoàn kiểm tra đã chia ra 03 tổ thực hiện kiểm tra tại 11 Sở, ban, ngành (gồm: Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Công an tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh); 10 UBND cấp huyện và 20 UBND cấp xã.

**d) Về Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo:**

Thực hiện Văn bản số 5793/VPCP-KSTT ngày 19/6/2018 của Văn phòng Chính phủ về thực hiện Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, UBND tỉnh đang hoàn thiện dự thảo Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý, dự kiến sẽ ban hành vào đầu Quý III năm 2018 theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ QUÝ III NĂM 2018**

1. Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan về công tác kiểm soát TTHC.

2. Thực hiện việc công bố, cập nhật, niêm yết công khai các TTHC theo quy định và bằng nhiều hình thức phù hợp, trong đó tập trung rà soát, cập nhật đầy đủ, đúng quy định các TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC; niêm yết, công khai địa chỉ tiếp nhận, phản ánh kiến nghị, đồng thời tổ chức thực hiện tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định.

3. Tổ chức Hội nghị tập huấn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho cán bộ đầu mối làm nhiệm vụ kiểm soát TTHC tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

4. Phê duyệt phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

5. Tiếp tục đưa vào vận hành Trung tâm Hành chính công các huyện còn lại, đảm bảo trong tháng 7/2018, 13/13 Trung tâm Hành chính cấp huyện được đưa vào hoạt động chính thức.

6. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo cơ sở vật chất đầy mạnh việc giải quyết TTHC qua dịch vụ công mức độ 3 và mức độ 4.

### **III. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

Để công tác kiểm soát TTHC ngày càng phát huy hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phục vụ kịp thời cho Nhân dân, sớm khắc phục những vướng mắc, giảm thiểu phiền hà, khó khăn trong thực hiện các TTHC, UBND tỉnh Hà Tĩnh kiến nghị, đề xuất một số nội dung sau:

1. Tăng cường tập huấn, hướng dẫn và hỗ trợ về giảng viên cho địa phương trong việc tổ chức tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ công tác kiểm soát TTHC, một cửa, một cửa liên thông, đặc biệt nhiệm vụ rà soát, đơn giản hóa TTHC cho cán bộ kiểm soát TTHC các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Tổ chức các Hội nghị giao ban định kỳ 6 tháng, năm để qua đó các Bộ, ngành, địa phương có dịp trao đổi, thảo luận cũng như có ý kiến đề xuất để thực hiện tốt hơn công tác kiểm soát TTHC.

3. Sớm ban hành Thông tư của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, đồng thời tổ chức hội nghị tập huấn để các địa phương triển khai thực hiện.

4. Đôn đốc, chỉ đạo các Bộ, ngành kịp thời cập nhật các Văn bản, TTHC để công bố các TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ để địa phương có căn cứ thực hiện; đặc biệt là cập nhật kịp thời lên CSDL Quốc gia vì thời gian qua một số Bộ, ngành đã công bố TTHC nhưng chưa cập nhật, đăng tải lên CSDL quốc gia về TTHC.

5. Kịp thời sửa đổi, bổ sung Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát TTHC, vì các mức chi cho hoạt động kiểm soát TTHC theo quy định tại Thông tư này đều được dẫn chiếu tại các văn

bản có liên quan, tuy nhiên các văn bản dẫn chiếu cơ bản đã được sửa đổi, bổ sung hoặc hết hiệu lực thi hành.

6. Sớm hoàn thiện Phần mềm Hệ thống Quản lý và đánh giá về Kiểm soát TTHC để địa phương triển khai thực hiện, đặc biệt là nội dung báo cáo công tác kiểm soát TTHC thay cho báo cáo giấy như hiện nay.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC Quý II năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ trong Quý III năm 2018 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. UBND tỉnh Hà Tĩnh báo cáo Văn phòng Chính phủ tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định./.

*Nơi nhận:*

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Thường trực TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, TP, TX;
- Chánh VP, các Phó VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Trung tâm HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT<sub>1</sub>.

*Hoàn*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Quốc Vinh

**Biểu số 05b/VPCP/KSTT**  
Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP  
ngày 31/10/2017.

**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH KIÉN NGHỊ (PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**  
Kỳ Báo cáo: Quý 2/Năm 2018  
(Từ ngày 16/3/2018 đến ngày 15/6/2018)

**Đơn vị báo cáo:** UBND tỉnh Hà Tĩnh  
**Đơn vị nhận báo cáo:** Văn phòng  
Chính phủ

*Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị*

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Số PAKN về quy định hành chính được tiếp nhận (bao gồm kỳ trước chuyển qua)		Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính								Đăng tải công khai kết quả xử lý	
	Chia ra		Đã xử lý				Đang xử lý					
	Tổng số	Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tổng số	Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Chia theo nội dung PAKN	Chia theo thời điểm tiếp nhận	Tổng số	Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Lĩnh vực Người có công	1	1	0	1	1	0	1	0	0	0	0	1
Tổng số	1	1	0	1	1	0	1	0	0	0	0	1

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Biểu số 06g/VPCP/KSTT  
Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-  
VPCP ngày 31/10/2017.

NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI  
CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỘNG TRONG  
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Kỳ Báo cáo: Quý 2/Năm 2018  
(Từ ngày 16/3/2018 đến ngày 15/6/2018)

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Hà Tĩnh  
Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Chính phủ

I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	CẤP TỈNH	2		
(1)	Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội (cấp tỉnh)	2	d x 2 (Do cán bộ xử lý đi công tác nên xử lý chậm)	
B	CẤP HUYỆN	98		
1	Lĩnh vực Tài nguyên môi trường	67	a4 x 2; b1 x 33; b2 x 8; d x 24 (Do các nguyên nhân sau: Người dân nộp thuế chậm; Do năng lực giải quyết của phòng chuyên môn; Quá trình xử lý trên phần mềm dịch vụ công của cán bộ; Do lãnh đạo đi họp, phê duyệt chậm; Sự phối hợp giải quyết giữa phòng chuyên môn với bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chưa đồng bộ).	
2	Lĩnh vực Lao động, thương binh và xã hội	15	a4 x 15	
3	Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch	5	b1 x 2; a4 x 3.	
4	Lĩnh vực Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo	1	Do không thể sắp xếp được lịch đối thoại với công dân theo đúng quy trình	
5	Lĩnh vực Văn hóa, thể thao và du lịch	2	a4 x 2	
6	Lĩnh vực Tư pháp	8	d x 8 (Do lãnh đạo đi họp, phê duyệt chậm)	
C	CẤP XÃ	238		

1	<i>Lĩnh vực Tài nguyên môi trường</i>	141	a4 x 12; b2 x 22; d x 107 (Do người dân nộp thuế chậm; Do vướng mắc trong diện tích đất nên chưa giải quyết dứt điểm được; Do năng lực giải quyết của cán bộ chuyên môn; Do lãnh đạo đi họp, phê duyệt chậm)	
2	<i>Lĩnh vực Tu pháp; TTHC liên thông (đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi)</i>	72	a1x 10; d x 62 (Do chậm kiểm tra, xử lý trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến; Do lãnh đạo đi họp, phê duyệt chậm).	
3	<i>Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội</i>	17	a4 x 9; b1 x 3; b2 x 2; c2 x 3.	
4	<i>Lĩnh vực Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>	2	a4 x 2 (Do BHXH trả kết quả chậm)	
5	<i>Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục</i>	6	d x 6 (Do lãnh đạo đi họp, phê duyệt chậm)	
<b>Tổng số:</b>		338		

## II. CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ HẠN DO QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH

STT	Tên TTHC	Nội dung vướng mắc	Văn bản QPPL
(1)	(2)	(3)	(4)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Biểu số 06d/VPCP/KSTT/KTTB  
Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP  
ngày 31/10/2017.

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG**  
Kỳ báo cáo: Quý 2/Năm 2018  
(Từ ngày 16/3/2018 đến ngày 15/6/2018)

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Hà Tĩnh  
Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Chính phủ  
(Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết					Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa					
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết		Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết		
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyên qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	Đúng thời hạn	Quá hạn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	19741	109	1018	18614	18757	18755	2	984	982	2	19741	18755	2	984
I	TTHC do Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, giải quyết TTHC	1232	0	0	1232	1186	1186	0	46	46	0	1232	1186	0	46
1	Lĩnh vực Thành lập doanh nghiệp	939	0	0	939	927	927	0	12	12	0	939	927	0	12
2	Lĩnh vực xây dựng cơ bản	179	0	0	179	163	163	0	16	16	0	179	163	0	16
3	Lĩnh vực đầu tư trong nước	112	0	0	112	94	94	0	18	18	0	112	94	0	18
4	Lĩnh vực NGO và ODA	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
5	Lĩnh vực đầu tư nước ngoài	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
II	TTHC do Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết TTHC	937	100	8	829	935	935	0	2	2	0	937	935	0	2
1	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	10	0	4	6	10	10	0	0	0	0	10	10	0	0
2	Lĩnh vực Điện	14	0	2	12	14	14	0	0	0	0	14	14	0	0
3	Lĩnh vực Hóa chất	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết					Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết		Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn	
4	Lĩnh vực Khí dầu mỏ hóa lỏng	10	0	1	9	10	10	0	0	0	10	10	0	0
5	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	20	0	0	20	19	19	0	1	1	0	20	19	0
6	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp	6	0	1	5	6	6	0	0	0	6	6	0	0
7	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	876	100	0	776	875	875	0	1	1	0	876	875	0
III	TTHC do Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, giải quyết TTHC	338	0	15	323	194	194	0	144	144	0	338	194	0
1	Lĩnh vực GDĐT thuộc hệ thống GD quốc dân	157	0	14	143	13	13	0	144	144	0	157	13	0
2	Lĩnh vực Hệ thống văn bằng chứng chỉ	179	0	1	178	179	179	0	0	0	0	179	179	0
3	Lĩnh vực Quy chế tuyển sinh	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0
IV	TTHC do Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, giải quyết TTHC	5282	0	0	5282	5182	5182	0	100	100	0	5282	5182	0
1	Phù hiệu các loại	336	0	0	336	336	336	0	0	0	0	336	336	0
2	Giấy phép xe tập lái	179	0	0	179	179	179	0	0	0	0	179	179	0
3	Giấy phép liên vận Việt-Lào	423	0	0	423	423	423	0	0	0	0	423	423	0
4	Giấy phép KĐVT	24	0	0	24	24	24	0	0	0	0	24	24	0
5	Cấp đổi, cấp lại GPLX	1520	0	0	1520	1420	1420	0	100	100	0	1520	1420	0
6	Cấp mới GPLX	2716	0	0	2716	2716	2716	0	0	0	0	2716	2716	0
7	Đăng ký xe máy chuyên dùng, cải hoán phương tiện	17	0	0	17	17	17	0	0	0	0	17	17	0
8	Cấp phép thi công	8	0	0	8	8	8	0	0	0	0	8	8	0
9	Thẩm định thiết kế	54	0	0	54	54	54	0	0	0	0	54	54	0
10	Đăng ký phương tiện TND	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	5	5	0

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn	
V	TTHC do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận, giải quyết TTHC	3554	5	274	3275	3325	3323	2	229	227	2	3554	3323	2	229
1	Lĩnh vực An toàn lao động	15	0	2	13	15	15	0	0	0	0	15	15	0	0
2	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	4	0	2	2	4	4	0	0	0	0	4	4	0	0
3	Lĩnh vực Lao động, tiền lương, quan hệ lao động	45	5	9	31	41	40	1	4	4	0	45	40	1	4
4	Lĩnh vực Người có công	1911	0	232	1679	1721	1720	1	190	188	2	1911	1720	1	190
5	Lĩnh vực Việc làm	1579	0	29	1550	1544	1544	0	35	35	0	1579	1544	0	35
VI	TTHC do Sở Ngoại vụ tiếp nhận, giải quyết TTHC	35	0	0	35	33	33	0	2	2	0	35	33	0	2
1	Lĩnh vực Đổi ngoại	35	0	0	35	33	33	0	2	2	0	35	33	0	2
VII	TTHC do Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp nhận, giải quyết TTHC	1626	0	40	1586	1623	1623	0	3	3	0	1626	1623	0	3
1	Lĩnh vực Trồng trọt và BVTV	33	0	0	33	31	31	0	2	2	0	33	31	0	2
2	Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y	945	0	1	944	945	945	0	0	0	0	945	945	0	0
3	Lĩnh vực QLCL NLS và TS	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	5	5	0	0
4	Lĩnh vực Lâm nghiệp, Kinh lâm	82	0	0	82	82	82	0	0	0	0	82	82	0	0
5	Lĩnh vực Thủ lợi	3	0	0	3	2	2	0	1	1	0	3	2	0	1
6	Lĩnh vực Thủy sản	553	0	36	517	553	553	0	0	0	0	553	553	0	0
7	Lĩnh vực Phát triển NT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Lĩnh vực QL xây dựng công trình	5	0	3	2	5	5	0	0	0	0	5	5	0	0
VIII	TTHC do Sở Nội vụ tiếp nhận, giải quyết TTHC	120	0	34	86	106	106	0	14	14	0	120	106	0	14

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết					Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa				
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết		Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết	Đang giải quyết		
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	Tổng số	Đúng thời hạn	Quá hạn	
1	Lĩnh vực Quản lý công chức, viên chức	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
2	Lĩnh vực Tổ chức biên chế và tổ chức phi chính phủ	3	0	0	3	3	3	0	0	0	0	3	3	0	0
3	Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng	109	0	33	76	100	100	0	9	9	0	109	100	0	9
4	Lĩnh vực Tôn giáo	7	0	1	6	2	2	0	5	5	0	7	2	0	5
IX	TTHC do Sở Tài chính tiếp nhận, giải quyết TTHC	650	0	13	637	633	633	0	17	17	0	650	633	0	17
1	Quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng nguồn vốn nhà nước do	67	0	13	54	50	50	0	17	17	0	67	50	0	17
2	Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản (Đối với các dự án do cấp tỉnh, huyện, xã quyết định đầu tư).	583	0	0	583	583	583	0	0	0	0	583	583	0	0
X	TTHC do Sở Xây dựng tiếp nhận, giải quyết TTHC	337	0	36	301	296	296	0	41	41	0	337	296	0	41
1	Lĩnh vực Nhà ở và công sở	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
2	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng	81	0	10	71	74	74	0	7	7	0	81	74	0	7
3	Lĩnh vực Xây dựng	255	0	26	229	221	221	0	34	34	0	255	221	0	34
XI	TTHC do Sở Tư pháp tiếp nhận, giải quyết TTHC	4311	0	454	3857	4158	4158	0	153	153	0	4311	4158	0 -	153
1	Lĩnh vực Thanh tra	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
2	Lĩnh vực Lý lịch tư pháp	4292	0	454	3838	4139	4139	0	153	153	0	4292	4139	0	153
3	Lĩnh vực Luật sư	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
4	Lĩnh vực Công chứng	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa				
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết	
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn		
5	Lĩnh vực Đấu giá tài sản	14	0	0	14	14	14	0	0	0	14	14	0	0	
XII	TTHC do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận, giải quyết TTHC	90	0	1	89	89	89	0	1	1	90	89	0	1	
1	Lĩnh vực Du lịch	9	0	1	8	8	8	0	1	1	9	8	0	1	
2	Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn	10	0	0	10	10	10	0	0	0	10	10	0	0	
3	Lĩnh vực Thể dục thể thao	5	0	0	5	5	5	0	0	0	5	5	0	0	
4	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	66	0	0	66	66	66	0	0	0	66	66	0	0	
XIII	TTHC do Sở Y tế tiếp nhận, giải quyết TTHC	585	0	91	494	498	498	0	87	87	0	585	498	0	87
1	Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng	37	0	5	32	32	32	0	5	5	37	32	0	5	
2	Lĩnh vực Dược phẩm	190	0	20	170	154	154	0	36	36	0	190	154	0	36
3	Lĩnh vực Giám định Y khoa	6	0	0	6	5	5	0	1	1	0	6	5	0	1
4	Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh	352	0	66	286	307	307	0	45	45	0	352	307	0	45
XIV	TTHC do Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, giải quyết TTHC	35	1	1	33	24	24	0	11	11	0	35	24	0	11
1	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ	3	0	0	3	0	0	0	3	3	0	3	0	0	3
2	Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	13	1	1	11	9	9	0	4	4	0	13	9	0	4
3	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ	4	0	0	4	0	0	0	4	4	0	4	0	0	4
4	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	15	0	0	15	15	15	0	0	0	15	15	0	0	0
XV	TTHC do Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, giải quyết TTHC	281	0	47	234	164	164	0	117	117	0	281	164	0	117

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết					Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa				
		Tổng số	Trong đó		Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	Tổng số	Đã giải quyết	Đang giải quyết	
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua											
1	Lĩnh vực Biển và Hải đảo	7	0	5	2	2	2	0	5	5	0	7	2	0	5
2	Lĩnh vực Đất đai	178	0	24	154	105	105	0	73	73	0	178	105	0	73
3	Lĩnh vực Đo đạc bản đồ	3	0	0	3	3	3	0	0	0	0	3	3	0	0
4	Lĩnh vực Giao dịch bảo đảm	24	0	1	23	23	23	0	1	1	0	24	23	0	1
5	Lĩnh vực Khoáng sản	2	0	1	1	0	0	0	2	2	0	2	0	0	2
6	Lĩnh vực Môi trường	48	0	12	36	24	24	0	24	24	0	48	24	0	24
7	Lĩnh vực Tài nguyên nước	19	0	4	15	7	7	0	12	12	0	19	7	0	12
XVI	TTHC do Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận, giải quyết TTHC	27	3	1	23	21	21	0	6	6	0	27	21	0	6
1	Lĩnh vực Báo chí xuất bản	23	3	1	19	18	18	0	5	5	0	23	18	0	5
2	Lĩnh vực Bưu chính Viễn thông	3	0	0	3	2	2	0	1	1	0	3	2	0	1
3	Lĩnh vực Công nghệ thông tin	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
XVII	TTHC do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tiếp nhận, giải quyết TTHC	296	0	3	293	285	285	0	11	11	0	296	285	0	11
1	Lĩnh vực Đầu tư	2	0	0	2	1	1	0	1	1	0	2	1	0	1
2	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng	2	0	0	2	1	1	0	1	1	0	2	1	0	1
4	Lĩnh vực Đất đai	3	0	1	3	2	2	0	1	1	0	3	2	0	1
5	Lĩnh vực Lao động việc làm	289	0	2	286	281	281	0	8	8	0	289	281	0	8
XVIII	TTHC do Thanh tra tỉnh tiếp nhận, giải quyết TTHC	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	5	5	0	0
1	Lĩnh vực Khiếu nại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực Tố cáo	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	5	5	0	0

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết					Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa				
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết		Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết			
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn	Đang giải quyết	
B	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (13 đơn vị cấp huyện)	34548	323	3289	30936	33241	33143	98	1307	1247	60	34548	33143	98	1307
1	Lĩnh vực Tài nguyên môi trường	18248	1	2688	15559	17256	17189	67	992	940	52	18248	17189	67	992
2	Lĩnh vực Tư pháp	1189	0	11	1178	1175	1167	8	14	14	0	1189	1167	8	14
3	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	85	0	1	84	84	84	0	1	1	0	85	84	0	1
4	Lĩnh vực Lao động, thương binh và xã hội	5124	0	343	4781	5029	5014	15	95	92	3	5124	5014	15	95
5	Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT	78	0	3	75	73	73	0	5	4	1	78	73	0	5
6	Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch	706	3	58	645	669	664	5	37	36	1	706	664	5	37
7	Lĩnh vực Công Thương	56	0	10	46	41	41	0	15	14	1	56	41	0	15
8	Lĩnh vực Y tế	10	0	1	9	10	10	0	0	0	0	10	10	0	0
9	Lĩnh vực Nội vụ	389	58	0	331	350	350	0	39	39	0	389	350	0	39
10	Lĩnh vực Xây dựng - Giao thông	1184	179	102	903	1142	1142	0	42	42	0	1184	1142	0	42
11	Lĩnh vực Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo	36	0	13	23	21	20	1	15	14	1	36	20	1	15
12	Lĩnh vực Văn hóa, thể thao và du lịch	24	0	1	23	24	22	2	0	0	0	24	22	2	0
13	Lĩnh vực Thành lập và phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã	945	82	22	841	927	927	0	18	18	0	945	927	0	18
14	Lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm	451	0	6	445	436	436	0	15	15	0	451	436	0	15
15	Lĩnh vực Đầu tư trong nước	75	0	3	72	68	68	0	7	6	1	75	68	0	7
16	Lĩnh vực Đấu thầu	32	0	1	31	29	29	0	3	3	0	32	29	0	3

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết					Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa					
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết		Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết	Đang giải quyết			
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	Đã giải quyết	Đúng thời hạn	Quá hạn	
17	Lĩnh vực Viễn Thông và Internet	7	0	1	6	7	7	0	0	0	0	7	7	0	0
18	Lĩnh vực Giao dịch bảo đảm	5909	0	25	5884	5900	5900	0	9	9	0	5909	5900	0	9
C	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (262 đơn vị cấp xã)	183301	1435	2382	179484	180533	180295	238	2768	2650	118	183301	180295	238	2768
1	Lĩnh vực Tài nguyên môi trường	13133	126	1046	11961	11690	11549	141	1443	1395	48	13133	11549	141	1443
2	Lĩnh vực Tư pháp; TTHC liên thông (đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi)	152698	1225	635	150838	152439	152367	72	259	235	24	152698	152367	72	259
3	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội	7895	84	526	7285	7140	7123	17	755	753	2	7895	7123	17	755
4	Lĩnh vực Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo	121	0	19	102	92	90	2	29	29	0	121	90	2	29
5	Lĩnh vực Đăng ký quản lý cư trú	6712	0	90	6622	6590	6590	0	122	118	4	6712	6590	0	122
6	Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục	1621	0	30	1591	1534	1528	6	87	84	3	1621	1528	6	87
7	Lĩnh vực Nông nghiệp	690	0	1	689	670	670	0	20	6	14	690	670	0	20
8	Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT	138	0	23	115	115	115	0	23	0	23	138	115	0	23
9	Lĩnh vực Giao thông - Xây dựng - Công Thương	133	0	12	121	103	103	0	30	30	0	133	103	0	30
	Lĩnh vực Quốc sự	160	0	0	160	160	160	0	0	0	0	160	160	0	0
	<b>TỔNG A + B + C</b>	<b>237590</b>	<b>1867</b>	<b>6689</b>	<b>229034</b>	<b>232531</b>	<b>232193</b>	<b>338</b>	<b>5059</b>	<b>4879</b>	<b>180</b>	<b>237590</b>	<b>232193</b>	<b>338</b>	<b>5059</b>

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH